

TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 7

Bản án số: 02/2019/HS-PT

Ngày 15-10-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3//, Nguyễn Hoài N.

Các Thẩm phán: 3//, Nguyễn Hồng P.

2//, Nguyễn Mạnh C1.

- Thư ký phiên tòa: 2//QNCN, Huỳnh Minh K.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 7 tham gia phiên tòa:

3//, Ngô Hồ S - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án quân sự Quân khu 7, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Đinh Võ H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 7.

- Bị cáo có kháng cáo: **Đinh Võ H**, tên gọi khác: không; sinh ngày 11 tháng 5 năm 1998, nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi cư trú: đường P, Khu phố C, phường T1, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên Xưởng giày M; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con của ông Đinh Quốc H và bà Võ Thị Thuỳ N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giữ từ 10 giờ ngày 13/10/2018 đến 10 giờ ngày 22/10/2018; bị tạm giam kể từ ngày 22/10/2018 đến ngày 11/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lĩnh; có mặt.

- Người làm chứng:

Ngoài ra còn có 07 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, trong đó có 03 bị cáo được Tòa án triệu tập và có mặt tại phiên tòa với tư cách người làm chứng, gồm:

NLC1. Bùi Văn T;

NLC2. Nguyễn Mạnh C2;

NLC3. Võ Trọng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/10/2018, Đinh Võ H, Nguyễn Mạnh C2, Bùi Văn T hẹn gặp nhau tại một quán ven đường gần vòng xoay cầu H, xã B, huyện C, Tp.Hồ Chí Minh ăn tối. Trong lúc ăn tối, H có nêu ý kiến mua ma túy và thuê phòng sử dụng vì Võ Trọng L được về phép, cả ba người đồng ý và H nói gọi thêm một số bạn cùng tham gia. Nguyễn Mạnh C2 gọi Nguyễn Dương Thành N, trong lúc Dương Minh N được rủ đi uống cà phê, nên Thành N nói Minh N đi cùng với nhóm bạn của Thành N và Minh N đồng ý đi theo. Đinh Võ H và Bùi Văn T gọi cho Võ Trọng L. Bùi Văn T gọi cho Phạm Thanh T và Bùi Duy T. Lúc này, H, Văn T, C2, Thành N, Minh N, L đồng ý tham gia, còn Duy T và Thanh T hẹn cả nhóm gặp nhau trước siêu thị S tại Ngã tư đường M và đường H, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh rồi trả lời.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, theo lời hẹn gặp nhau trước đó, H, C2, Văn T, L, Thành N và Minh N đến quán cà phê L trên đường Z, phường T2, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh. Tại đây, H tiếp tục đề xướng việc thuê phòng và mua ma túy về sử dụng thì cả nhóm 6 người đều đồng ý. H mượn điện thoại của Văn T, liên lạc qua ứng dụng Messenger với một tài khoản tên “S” quen biết qua mạng xã hội Facebook, để hỏi cách thức thuê phòng, mua ma túy về sử dụng và được “S” cho số điện thoại của Nguyễn Tuấn V để đặt phòng và cho số điện thoại của K (*Người không rõ nhân thân và lai lịch*) để mua ma túy. Tiếp theo, H mượn điện thoại của chủ quán cà phê L, liên lạc với Tuấn V và được Tuấn V cho biết còn phòng với giá 3.000.000 đồng tại chung cư G (*Địa chỉ: đường D, Phường M, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh*); liên lạc với K, được K báo giá thuốc lắc là 300.000 đồng/1viên, ma túy hàng khay (*Ma túy loại Ketamine*) là 1.500.000 đồng/1 bịch và H đặt mua 04 viên thuốc lắc và 02 bịch hàng khay với tổng số tiền 4.200.000 đồng.

Tới khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, H, C2, Văn T, L, Thành N, Minh N đến trước siêu thị S tại Ngã tư đường M và đường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, phường H, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh để gặp Thanh T, Duy T. Ở đây, cả nhóm lại tiếp tục bàn việc thuê phòng, mua ma túy về sử dụng với sự đồng ý tham gia của Thanh T và Duy T. Sau đó, cả nhóm đi đến cầu H, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh để góp tiền thuê phòng và mua ma túy. H, C2, Văn T, Thanh T, Thành N, Minh N, L và Duy T mỗi người góp số tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng và được tổng cộng 7.200.000 đồng. H giữ 4.200.000 đồng và đưa cho Văn T giữ 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm đến chung cư G, H gọi cho Tuấn V và được Tuấn V dẫn lên căn hộ A; Văn T đưa chứng minh nhân dân của mình và đưa 3.000.000 đồng cho H để thuê phòng. Khi cả nhóm vào căn hộ A, H nhận điện thoại của K, ra thang máy lấy 04 viên thuốc lắc màu hồng, 02 bịch hàng khay và trả cho K 4.200.000 đồng. Sau đó, H cầm số ma túy vừa mua được quay trở lại căn hộ A và cả nhóm 8 người tắt đèn, mở nhạc, bật đèn nhấp nháy trong phòng, cùng nhau chia mỗi người 1/2 viên thuốc lắc để uống.

Vào lúc 02 giờ 15 phút ngày 13/10/2018, Công an Quận D, Tp. Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra căn hộ A, phát hiện trên sàn phòng ngủ có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, nghi vấn là ma túy nên tiến hành thu giữ và đưa cả nhóm về Công an Phường M, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh để làm rõ. Qua giám định, Cơ quan công an xác định tinh thể không màu trong 02 gói nylon được thu giữ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1962g, loại Ketamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 7 đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Võ H, Bùi Văn T, Nguyễn Mạnh C2, Nguyễn Dương Thành N, Phạm Thanh T, Võ Trọng L, Dương Minh N và Bùi Duy T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Võ H 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ khoảng thời gian tạm giữ hình sự 9 ngày (*Từ 10 giờ ngày 13/10/2018 đến 10 giờ ngày 22/10/2018*) và khoảng thời gian tạm giam 4 tháng 21 ngày (*Từ ngày 22/10/2018 đến ngày 11/3/2019*).

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự và các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Mạnh C2, Nguyễn Dương Thành N 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 18/7/2019.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự và các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Phạm Thanh T, Võ Trọng L, Dương Minh N và Bùi Duy T 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 18/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 21/7/2019, bị cáo Đinh Võ H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (*Trang 978, 979 của hồ sơ*) với lý do: Mức án 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù giam đối với bị cáo là quá nặng so với các đồng phạm khác, vì bị cáo và các đồng phạm khác đều có hành vi phạm tội lần đầu tiên và không gây thiệt hại hay nguy hại gì nghiêm trọng, nhưng bị cáo lại không được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như các đồng phạm khác. Bị cáo có nhân thân tốt: ăn học nghiêm túc, chấp hành nghiêm pháp luật, được tuyển chọn vào Lực lượng dân quân nông cốt phường. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo là con một trong gia đình có 02 mẹ con (Cha mẹ đã ly hôn) và là người lao động có thu nhập chính trong hoàn cảnh gia đình khó khăn: mẹ đã lớn tuổi (53 tuổi), sống cùng ông ngoại 85 tuổi.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo cũng khai rằng do ham chơi nên bị bạn bè trên mạng xã hội dụ dỗ, lôi kéo sử dụng ma túy để tìm cảm giác lạ. Ông ngoại của bị cáo có 05 người con (02 trai, 03 gái); ngoài cậu đã mất, mẹ của bị cáo sống cùng ông ngoại, thì 01 người không rõ tung tích, 02 người còn lại đều có công việc ổn định và đã có gia đình đang sinh sống tại Tp. Hồ Chí Minh.

Những người làm chứng (NLC 1,2,3) đều xác nhận bị cáo là người đề xướng, chủ động lôi kéo, trực tiếp mua ma túy và thuê phòng để sử dụng ma túy trong vụ án.

Trích Biên bản bắt người phạm tội quả tang (*Trang số 06 -11 hồ sơ*): Vào lúc 2 giờ 15 phút ngày 13/10/2018, Đội CSĐT về ma túy Công an Quận D, Tp. Hồ Chí Minh phối hợp Công an Phường M, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính căn hộ A, Chung cư G, đường Đ, Phường M, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh, tại thời điểm kiểm tra có 8 đối tượng gồm: Đinh Võ H, Nguyễn Mạnh C2, Nguyễn Dương Thành N, Phạm Thanh T, Võ Trọng L, Dương Minh N, Bùi Văn T, Bùi Duy T. Qua kiểm tra công an phát hiện trên nền nhà trong phòng ngủ, ngay chỗ các đối tượng đang ngồi có 01 (*Một*) gói nylon bên trong có 02 (*Hai*) gói nylon chứa tinh thể không màu, nghi vấn là chất ma túy. Do đó, công an tiến hành thu giữ và đưa các đối tượng về trụ sở Công an Phường M, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh để làm rõ.

Kết luận giám định số 1701/KLGD-H ngày 22/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh xác định tinh thể không màu trong 02 (*Hai*) gói nylon thu được trên sàn phòng ngủ căn hộ A, chung cư G là ma túy ở

thể rắn, có khối lượng 1,1962g (*Một phẩy một chín sáu hai gram*), loại Ketamine. (*Trang 232 của hồ sơ*).

Trong phần tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng: Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã xem xét cho bị cáo về nhân thân tốt; không tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; tuổi đời trẻ; là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo không đưa thêm được chứng cứ, tài liệu nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 18-7-2019 của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 7 về hình phạt đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 18-7-2019 của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 7 xử phạt đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có phản bác gì về lời trình bày của những người làm chứng và ý kiến nêu quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo là mẹ 53 tuổi sống cùng ông ngoại 85 tuổi trong khi bị cáo lại là người lao động có thu nhập chính trong gia đình. Trong lời sau cùng, bị cáo hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đinh Võ H là người có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và việc kháng cáo của bị cáo thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 12/10/2018, H đã chủ động lấy số điện thoại liên hệ để đặt phòng và đặt mua 04 viên thuốc lắc và 02 bịch ma túy hàng khay (*Loại Ketamine*). Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, H là người trực tiếp nhận phòng và nhận ma túy. Sau đó cả nhóm chia nhau mỗi người uống 1/2 viên thuốc lắc, số ma túy còn lại chưa sử dụng để dưới sàn nhà. Qua kết luận giám định số ma túy còn lại có khối lượng 1,1962g (*Một phẩy một chín sáu hai gram*), ma túy thể rắn, loại Ketamine. Bị cáo Đinh Võ H đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ra hậu quả nghiêm trọng, do lỗi cố ý để thỏa mãn nhu

cầu cá nhân khi mua ma túy và thuê phòng để sử dụng ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Bị cáo Đinh Võ H là người đề xướng, chủ động lôi kéo, trực tiếp mua ma túy và thuê phòng để sử dụng ma túy trong vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án và thuộc trường hợp không cho hưởng án treo được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đinh Võ H được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã xem xét cho bị cáo về nhân thân tốt (chấp hành nghiêm pháp luật trước đó, được tuyển chọn vào Lực lượng dân quân nòng cốt phường); không tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; tuổi đời trẻ; là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh gia đình khó khăn (con một trong gia đình có 02 mẹ con, mẹ 53 tuổi, ông ngoại 85 tuổi), nên quyết định xử phạt 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù mà không áp dụng chế định án treo đối với bị cáo là phù hợp với tính chất nghiêm trọng của vụ án và vai trò của bị cáo trong vụ án.

[5] Theo lời khai của bị cáo Đinh Võ H tại phiên tòa, lý lịch của bị cáo (*Trang 572, 574 của hồ sơ*) và sổ Hộ khẩu của gia đình bị cáo (*Trang 569, 980-982 của hồ sơ*), thì mẹ của bị cáo 53 tuổi (sinh ngày 07/3/1967) và còn độ tuổi lao động quy định tại khoản 1 Điều 187 Luật số: 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội về Lao động. Ông ngoại của bị cáo có 05 người con (02 trai, 03 gái), nếu không tính người cậu đã mất, mẹ của bị cáo và 01 người không rõ tung tích thì ông ngoại của bị cáo vẫn còn 02 người con đã có gia đình và công việc ổn định đang sinh sống tại Tp. Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không đưa ra chứng cứ, tài liệu nào mới để được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo không phải là người lao động duy nhất trong gia đình và gia đình của bị cáo không thuộc trường hợp gặp khó khăn đặc biệt. Cho nên, không có cơ sở để xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Các bị cáo không có kháng cáo (Bùi Văn T, Nguyễn Mạnh C2, Nguyễn Dương Thành N, Phạm Thanh T, Võ Trọng L, Dương Minh N và Bùi Duy T) đều có tình tiết “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; “Phạm tội lần đầu” để được áp dụng quy

định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo không có kháng cáo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội nghiêm trọng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tính chất nguy hiểm của tội phạm ma túy là gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho sức khỏe cộng đồng và nhiều tệ nạn xã hội khác. Dù vậy, sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm lại không thuộc trường hợp sửa bản án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Võ H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 18-7-2019 của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 7 về hình phạt đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Đinh Võ H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Võ H 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ khoảng thời gian tạm giữ hình sự là 09 ngày (*Từ 10 giờ ngày 13/10/2018 đến 10 giờ ngày 22/10/2018*) và khoảng thời gian tạm giam là 04 tháng 21 ngày (*Từ ngày 22/10/2018 đến ngày 11/3/2019*).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo Đinh Võ H phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAQS Trung ương;
- VKSQS Quân khu 7;
- CQTHAHS Quân khu 7;
- VKSQS khu vực 71;
- ĐTHS khu vực 1/QK7;
- TAQS khu vực 1/QK7;
- CQTHADS Quân Khu 7;
- Bị cáo H (có kháng cáo);
- Lưu HS,VT, TQK; HN09.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3// Nguyễn Hoài N